

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----\*\*\*-----



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ IV NĂM 2024**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ IV NĂM 2024

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KÝ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ IV NĂM 2024	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ IV NĂM 2024	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ IV NĂM 2024	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ IV NĂM 2024	5-21

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng  
Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số : B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý IV năm 2024  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2024 Toàn công ty	NGÀY 01/01/2024 Toàn công ty
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>360.796.526.906</b>	<b>385.975.274.040</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 )				
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>138.606.671.177</b>	<b>225.987.361.934</b>
1 - Tiền	111		136.267.728.164	209.287.361.934
2 - Các khoản tương đương tiền	112		2.338.943.013	16.700.000.000
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>133.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
3 - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		133.000.000.000	60.000.000.000
<b>III - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.062.057.194</b>	<b>47.602.208.386</b>
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.074.002.063	31.159.016.260
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.861.167.936	11.503.707.808
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.628.579.048	14.446.176.171
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(9.501.691.853)	(9.506.691.853)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39.930.054.145</b>	<b>32.106.173.765</b>
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	39.930.054.145	32.106.173.765
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.197.744.390</b>	<b>20.279.529.955</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.261.518.985	3.023.525.620
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.374.616.331	14.725.601.561
3 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	1.561.609.074	2.530.402.774
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>448.060.332.357</b>	<b>231.975.907.126</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>416.472.851.428</b>	<b>141.314.569.972</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	416.472.851.428	141.263.231.062
- Nguyên giá	222		1.211.733.151.966	1.326.964.611.716
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(795.260.300.538)	(1.185.701.380.654)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	51.338.910
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(664.654.500)	(613.315.590)
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.11	<b>2.640.417.397</b>	<b>3.432.542.629</b>
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(21.059.587.254)	(20.267.462.022)
<b>IV - Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.7	<b>1.224.343.997</b>	<b>49.739.044.253</b>
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.224.343.997	49.739.044.253
<b>V - Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>309.068</b>	<b>87.993.205</b>
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	1.437.338	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.128.270)	(449.435.320)
<b>VI - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.722.410.467</b>	<b>37.401.757.067</b>
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	27.722.410.467	37.401.757.067
2 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>808.856.859.263</b>	<b>617.951.181.166</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng  
Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số : B01-DN

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2024 Toàn công ty	NGÀY 01/01/2024 Toàn công ty
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )	300		231.694.514.575	101.288.491.088
I - Nợ ngắn hạn	310		105.057.390.517	101.082.986.473
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	27.605.100.104	15.773.786.919
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.000.000.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	11.007.654.829	8.485.574.040
4 - Phải trả người lao động	314		24.508.693.095	32.161.538.989
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5.042.676.756	1.653.991.957
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	777.524.935	399.673.505
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	4.390.253.126	28.263.829.853
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	20.905.357.144	-
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.820.130.528	12.344.591.210
II - Nợ dài hạn	330		126.637.124.058	205.504.615
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	900.000.000	-
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	125.432.142.856	-
11 - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	304.981.202	205.504.615
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		577.162.344.688	516.662.690.078
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.22	577.162.344.688	516.662.690.078
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		339.999.600.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		339.999.600.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		170.411.314.026	146.220.778.825
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.751.430.662	170.441.911.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.968.376.089	138.434.656.073
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.783.054.573	32.007.255.180
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		808.856.859.263	617.951.181.166

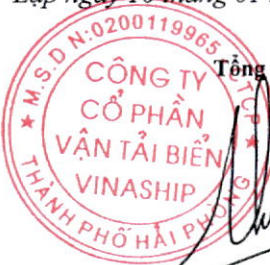
Lập ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số : B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Dạng đầy đủ)**  
**Quý IV năm 2024**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV NĂM 2024		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			QUÝ IV NĂM 2024	QUÝ IV NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2023
1	2	3	4	5	6	7
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	152.552.133.320	134.278.935.935	620.600.948.687	593.844.082.552
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	152.552.133.320	134.278.935.935	620.600.948.687	593.844.082.552
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	155.238.386.194	141.370.410.876	601.829.708.809	581.327.898.831
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(2.686.252.874)	(7.091.474.941)	18.771.239.878	12.516.183.721
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	9.897.235.620	2.847.778.508	15.573.195.373	21.348.661.418
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	1.199.239.527	2.072.581.007	4.181.484.507	8.839.046.784
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		781.803.082	533.951.542	781.803.082	2.862.441.692
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	3.326.951.510	3.154.637.458	9.550.182.520	11.841.439.097
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	12.303.525.741	5.986.881.191	32.198.601.783	23.800.914.778
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + ( 21 - 22 ) + 24 - ( 25 + 26 )	30		(9.618.734.032)	(15.457.796.089)	(11.585.833.559)	(10.616.555.520)
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	61.087.581.521	58.700.368.952	94.456.665.929	58.782.937.119
13 - Chi phí khác	32	VI.31	221.960.527	2.597.622.120	656.154.743	3.041.471.568
14 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		60.865.620.994	56.102.746.832	93.800.511.186	55.741.465.551
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		51.246.886.962	40.644.950.743	82.214.677.627	45.124.910.031
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.34	10.018.253.247	7.541.898.550	16.393.968.295	7.997.131.689
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.35	(554.420.858)	1.095.797.013	99.476.587	1.095.797.013
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51 - 52 )	60		41.783.054.573	32.007.255.180	65.721.232.745	36.031.981.329
19 - Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		41.783.054.573	32.007.255.180	65.721.232.745	36.031.981.329
20 - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.229	1.600	2.434	1.802
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2025

Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
Dạng đầy đủ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Quý IV năm 2024


Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2024	NĂM 2023
1	2	3	4	5
<b>I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		82.214.677.627	45.124.910.031
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		67.661.749.926	88.169.952.686
- Các khoản dự phòng	03		(52.057.200)	(3.947.965.151)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.487.370.687)	(1.029.333.924)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(93.769.034.537)	(9.885.339.325)
- Chi phí lãi vay	06		781.803.082	2.862.441.692
- Các khoản điều chỉnh khác	07			(58.628.174.289)
<b>3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>55.349.768.211</b>	<b>62.666.491.720</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.887.474.452	(15.093.474.142)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.823.880.380)	26.143.768.670
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.614.858.013)	(56.049.203.125)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.441.353.235	14.981.847
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.503.641.077)	(2.277.205.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.881.159.957)	(8.552.244.490)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.100.000	2.980.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.383.138.817)	(1.505.623.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>32.480.017.654</b>	<b>5.350.471.382</b>
<b>II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(320.732.099.161)	(58.615.723.315)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		129.063.137.847	55.003.367
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(165.800.000.000)	(171.700.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.800.000.000	234.254.520.548
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		100.054.752	
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.514.461.547	10.409.238.821
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(261.054.445.015)</b>	<b>14.403.039.421</b>
<b>III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3 - Tiền thu từ đi vay	33		146.337.500.000	-
4 - Tiền trả gốc vay	34	VII	-	(36.018.450.000)
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.600.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>139.737.500.000</b>	<b>(36.018.450.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(88.836.927.361)</b>	<b>(16.264.939.197)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>225.987.361.934</b>	<b>241.232.955.468</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.456.236.604	1.019.345.663
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>138.606.671.177</b>	<b>225.987.361.934</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU




Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

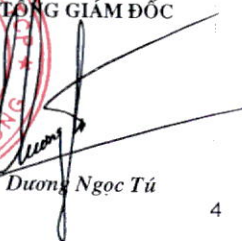


Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Tú

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B09-DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY IV NĂM 2024

#### I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

**1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%, Công ty CP Container Việt Nam 40,01%.**

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 14 Võ Nguyên Giáp, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là **459** người.

#### **2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển**

#### **3- Ngành nghề kinh doanh :**

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2024 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Đội tàu hàng khô Vinaship có 5 chiếc với tổng số tấn trọng tải 100.111 DWT trong đó, quý 04 bán thanh lý tàu Vinaship Diamond (bàn giao cho bên mua tàu ngày 28/11/2024) đồng thời mua thành công tàu mới Vinaship Unity 12 tuổi, trọng tải 28.189 DWT nhận bàn giao ngày 02/12/2024 nhưng lên đà sửa chữa lớn, chưa đưa vào khai thác. Đội tàu công ty vẫn chủ yếu khai thác trên tuyến Đông Bắc và Đông Nam Á với phương thức cho thuê chuyến kết hợp định hạn và mặt hàng chủ yếu vẫn là xi măng, clinker, than, gạo, phân bón. Nhóm hàng truyền thống này của Công ty vẫn duy trì được sản lượng cho đội tàu, tuy nhiên từ giữa tháng 11 về cuối quý 4, giá cước sụt giảm nhiều do ảnh hưởng của thị trường vận tải. Những yếu tố này khiến hoạt động vận tải biển thiếu hụt doanh thu và giảm hiệu quả kinh doanh trong quý.

Bù lại, trong quý 4 bên cạnh việc ghi nhận khoản thu nhập bán tàu hơn 61 tỷ, hoạt động dịch vụ hàng hải và thuê tàu ngoài được thực hiện tốt, mang lại 15,8 tỷ đồng doanh thu. Tại thời điểm 31/12/2024, công ty ghi nhận khoản lãi hoạt động tài chính 8,7 tỷ đồng do biến động tăng của tỷ giá đồng dollar Mỹ.

#### **I – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

- 1- **Kỳ kế toán quý IV :** bắt đầu từ ngày 01/10 và kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2024 bắt đầu từ ngày 01/10/2024 đến 31/12/2024.
- 2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

#### **III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- **Chế độ kế toán áp dụng :** Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

#### **3- Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

#### **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

-Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá  $\pm 1\%$  so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

#### **2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

#### **3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

#### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

#### **5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

#### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

#### **7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

#### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

#### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân -TP. Hải phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

---

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

#### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

#### **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

#### **14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :**

<b>1- Tiền</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
- Tiền mặt	673.792.000	582.501.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	135.593.929.962	208.704.860.934
- Các khoản tương đương tiền	2.338.943.013	16.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>138.606.664.975</b>	<b>225.987.361.934</b>
<b>2- Các khoản đầu tư tài chính</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>133.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
b1) Ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn	133.000.000.000	60.000.000.000
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
- Đầu tư góp vốn vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
<b>- Đầu tư cổ phiếu</b>	<b>1.437.338</b>	<b>537.428.525</b>
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/12/2024</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam : 86 CP	1.369.070	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 12 CP	68.268	409.605
<b>Cộng</b>	<b>133.001.437.338</b>	<b>60.537.428.525</b>
<b>d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam: 86 CP	(1.128.270)	(449.435.320)
<b>Cộng</b>	<b>(1.128.270)</b>	<b>(449.435.320)</b>
<b>3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	343.717.388	93.569.673
- Công ty TNHH TMDV Xăng dầu Thiên Phúc	616.248.287	3.147.487
- Công ty CP Cảng Xanh Vip	1.033.353.396	1.061.895.852
- Công ty CP Cảng Nam Đình Vũ	2.009.134.476	309.241.368
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	7.071.548.516	29.691.161.880
<b>Cộng</b>	<b>11.074.002.063</b>	<b>31.159.016.260</b>
<b>4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
- Tạm ứng	2.237.847.707	2.983.923.322
- Ký cược, ký quỹ	32.000.000	742.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	4.287.420.941	1.935.659.086
- Phải thu về sửa chữa tàu chỉ hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Bảo hiểm tai nạn	-	8.471.886
- Bảo hiểm xã hội	177.127.032	251.227.132
- Bảo hiểm y tế	12.811.854	14.312.376



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

- Bảo hiểm thất nghiệp	8.301.616	9.520.056
- Kinh phí công đoàn	-	83.304
- Thuế TNCN	-	20.625.904
- Lãi dự thu	1.477.265.756	1.101.568.492
- Các khoản phải thu khác	53.316.568	36.297.039
+ Phải thu khác	<u>53.316.568</u>	<u>36.297.039</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>15.628.579.048</u></b>	<b><u>14.446.176.171</u></b>

<b>5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b><u>Ngày 31/12/2024</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2024</u></b>
- CN Bạch Đằng - Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	358.500.000	358.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	90.761.500	95.761.500
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.501.691.853</u></b>	<b><u>9.506.691.853</u></b>

<b>6- Hàng tồn kho</b>	<b><u>Ngày 31/12/2024</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2024</u></b>
- Nguyên liệu, vật liệu	38.164.830.442	32.055.438.765
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.738.248.703	-
- Công cụ, dụng cụ	<u>26.975.000</u>	<u>50.735.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>39.930.054.145</u></b>	<b><u>32.106.173.765</u></b>

<b>7- Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b><u>Ngày 31/12/2024</u></b>	<b><u>Ngày 01/01/2024</u></b>
+ Chi phí xây dựng lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	-	48.614.897.953
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	957.343.997	1.124.146.300
+ TSCĐ đang mua sắm	267.000.000	-
+ Chi phí khác	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.224.343.997</u></b>	<b><u>49.739.044.253</u></b>

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2024

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC THIẾT BỊ	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ						
1. Số dư đầu kỳ		7.377.675.306	1.319.246.677.463	60.431.830	279.827.117	1.326.964.611.716
2. Số tăng trong kỳ		76.012.537.360	293.443.597.635	5.042.465.194	6.069.174.981	380.567.775.170
Trong đó:						
- Do mua sắm			293.443.597.635		219.174.980	293.662.772.615
- Đầu tư XD/CB hoàn thành		76.012.537.360		5.042.465.194	5.850.000.001	86.905.002.555
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Số giảm trong kỳ		46.958.605	495.752.276.315	-	-	495.799.234.920
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán		46.958.605	495.752.276.315			495.799.234.920
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		83.343.254.061	1.116.937.998.783	5.102.897.024	6.349.002.098	1.211.733.151.966
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.404.646.756	338.972.043.322	60.431.830	216.281.662	342.653.403.570
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
1. Đầu kỳ		5.964.917.839	1.179.459.648.957	60.431.830	216.382.028	1.185.701.380.654
2. Tăng trong kỳ		1.747.694.914	63.879.813.317	411.365.071	779.412.482	66.818.285.784
- Khấu hao		1.747.694.914	63.879.813.317	411.365.071	779.412.482	66.818.285.784
- Chuyển từ Bất động sản đầu tư sang						-
3. Giảm trong kỳ		46.182.252	457.213.183.648	-	-	457.259.365.900
- Thanh lý, nhượng bán		46.182.252	457.213.183.648			457.259.365.900
- Khác						-
4. Số cuối kỳ		7.666.430.501	786.126.278.626	471.796.901	995.794.510	795.260.300.538
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		1.412.757.467	139.787.028.506	-	63.445.089	141.263.231.062
2. Cuối kỳ		75.676.823.560	330.811.720.157	4.631.100.123	5.353.207.588	416.472.851.428
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			291.265.856.092			291.265.856.092



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**9 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm 2024**

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ</b>			
1. Số dư đầu kỳ	-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
1. Đầu kỳ	-	613.315.590	613.315.590
2. Tăng trong kỳ	-	51.338.910	51.338.910
- Khấu hao		51.338.910	51.338.910
4. Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
<b>III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
1. Đầu kỳ	-	51.338.910	51.338.910
2. Cuối kỳ	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2024 : Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư năm 2024 :

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	NHÀ	CƠ SỞ HẠ TẦNG	TỔNG CỘNG
<b>I - NGUYÊN GIÁ</b>			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4. Số cuối kỳ	2.627.505.019	21.072.499.632	23.700.004.651
<b>II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
1. Số dư đầu kỳ	2.627.505.019	17.639.957.003	20.267.462.022
2. Số tăng trong kỳ	-	792.125.232	792.125.232
- Do chuyển từ TSCĐ sang			
- Do trích khấu hao	-	792.125.232	792.125.232
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Chuyển sang TSCĐ			
4. Số dư cuối kỳ	2.627.505.019	18.432.082.235	21.059.587.254
<b>III - Giá trị còn lại</b>			
1. Số dư đầu kỳ	-	3.432.542.629	3.432.542.629
4. Số dư cuối kỳ	-	2.640.417.397	2.640.417.397

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

12- Chi phí trả trước	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024		
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.198.968.985			2.785.453.620
- Chi phí chờ phân bổ - CP dùng chung tòa nhà	-			
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	62.550.000			238.072.000
	<b>2.261.518.985</b>			<b>3.023.525.620</b>
<b>Cộng</b>				
<b>b) Dài hạn</b>				
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	25.668.724.065			37.325.161.511
- Chi phí trả trước trang thiết bị đồ dùng tòa nhà	1.829.180.746			
- Chi phí làm mái che chống nóng cho đội sản xuất	50.334.228			76.595.556
- Chi phí trả trước dài hạn khác	174.171.428			-
<b>Cộng</b>	<b>27.722.410.467</b>			<b>37.401.757.067</b>
<b>14- Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>		
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>146.337.500.000</b>			-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	20.905.357.144			-
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	20.905.357.144			-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	125.432.142.856			-
+ Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải	125.432.142.856			-
<b>Cộng</b>	<b>146.337.500.000</b>			-
<b>15- Phải trả người bán</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>		
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	1.832.176.000			-
PT Indofuels Ltd	8.521.857.720			-
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Thành Long	6.367.400.000			4.434.000.000
Phải trả các đối tượng khác	10.883.666.384			11.339.786.919
<b>Cộng</b>	<b>27.605.100.104</b>			<b>15.773.786.919</b>
<b>16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	851.452.108	2.780.049.246	2.856.023.828	775.477.526
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.259.725.843	24.259.725.843	-
- Thuế nhập khẩu	-	588.446.837	588.446.837	-
- Thuế TNDN	10.039.944.740	13.895.922.105	16.393.968.295	7.541.898.550
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	116.257.981	557.732.202	505.792.219	168.197.964
- Thuế bảo vệ môi trường	-	455.107.000	455.107.000	-
- Thuế nhà đất	-	747.398.792	747.398.792	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	508.546.779	508.546.779	-
<b>Cộng</b>	<b>11.007.654.829</b>	<b>43.799.928.804</b>	<b>46.322.009.593</b>	<b>8.485.574.040</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

<b>b) Phải thu</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>01/01/2024</b>
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	21.691.493	21.691.493	-	-
- Tiền thuê đất do được bù trừ	1.539.917.581	-	990.485.193	2.530.402.774
<b>Cộng</b>	<b>1.561.609.074</b>	<b>21.691.493</b>	<b>990.485.193</b>	<b>2.530.402.774</b>
<b>17- Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2024</b>			<b>01/01/2024</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Chi phí phải trả lãi vay	156.360.616			-
- Chi phí bảo hiểm phải trả	-			-
- Trích trước chi phí XDCB lô đất TM8	231.481.481			-
- Chi phí phải trả khác	4.654.834.659			1.653.991.957
<b>Cộng</b>	<b>5.042.676.756</b>			<b>1.653.991.957</b>
<b>18- Phải trả khác</b>	<b>31/12/2024</b>			<b>01/01/2024</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
- Công đoàn phí	112.610.450			47.662.446
- Kinh phí công đoàn	744.000			1.000.000
- Bảo hiểm xã hội	-			-
- Bảo hiểm y tế	55.640.320			98.694.731
- Bảo hiểm thất nghiệp	135.738.001			3.674.333
- Thuế TNCN	19.039.863			-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.000.000			356.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.375.000			7.107.375.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.471.921.383			1.586.197.576
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	-			18.410.934.152
- Thu chi hộ	224.752.418			-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.838.431.691			652.291.615
<b>Cộng</b>	<b>4.390.253.126</b>			<b>28.263.829.853</b>
<b>Dài hạn</b>				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	900.000.000			-
<b>Cộng</b>	<b>900.000.000</b>			<b>-</b>
<b>19- Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/12/2024</b>			<b>01/01/2024</b>
<b>Ngắn hạn</b>				
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	-			367.352.964
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	777.524.935			32.320.541
<b>Cộng</b>	<b>777.524.935</b>			<b>399.673.505</b>
<b>21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập</b>	<b>31/12/2024</b>			<b>01/01/2024</b>
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-			-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	304.982.202			205.504.615

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**V22- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu:****a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu năm 2024**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>83.086.506.355</b>	<b>210.824.169.784</b>	<b>493.910.676.139</b>
Tăng trong năm trước				-
- Lãi năm 2023			36.031.981.329	36.031.981.329
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		63.134.272.470	(76.414.239.860)	(13.279.967.390)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>146.220.778.825</b>	<b>170.441.911.253</b>	<b>516.662.690.078</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>146.220.778.825</b>	<b>170.441.911.253</b>	<b>516.662.690.078</b>
- Lãi Quý I			274.170.902	274.170.902
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022		133.722.357.597	(133.722.357.597)	-
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023		30.467.777.604	(35.689.355.739)	(5.221.578.135)
- Lãi Quý II			27.560.456.963	27.560.456.963
- Phát hành tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển	139.999.600.000	(139.999.600.000)		-
- Lỗ Quý III			(3.896.449.693)	(3.896.449.693)
- Lãi Quý IV			41.783.054.573	41.783.054.573
<b>Số dư cuối ngày 31/12/2024</b>	<b>339.999.600.000</b>	<b>170.411.314.026</b>	<b>66.751.430.662</b>	<b>577.162.344.688</b>



	Ngày 31/12/2024	Ngày 01/01/2024
<b>b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:</b>		
- Vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 51% VDL	173.400.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của Công ty CP Container Việt Nam Viconship 40,01% VDL	136.032.400.000	
- Vốn góp của các cổ đông khác 8,99% VDL	30.567.200.000	98.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>339.999.600.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
<b>c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:</b>		
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
+ Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	139.999.600.000	-
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	139.999.600.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	<b>339.999.600.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành đầu kỳ	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành trong kỳ	13.999.960	-
-Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ	13.999.960	-
+ Cổ phiếu phổ thông	13.999.960	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	33.999.960	20.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	146.220.778.825	83.086.506.355
+ Số dư quỹ đầu năm	164.190.135.201	63.134.272.470
+ Tăng trong kỳ	30.467.777.604	
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận năm 2023	133.722.357.597	63.134.272.470
Do trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận năm 2022	139.999.600.000	-
+ Giảm trong kỳ	139.999.600.000	-
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	170.411.314.026	146.220.778.825
+ Số dư quỹ cuối kỳ	<b>170.411.314.026</b>	<b>146.220.778.825</b>
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
+ Số dư quỹ đầu năm	12.344.591.210	567.267.320
+ Tăng trong kỳ	5.229.678.135	13.282.947.390
Do trích lập quỹ khen thưởng từ phân phối lợi nhuận	2.479.410.494	6.335.639.921
Do trích lập quỹ phúc lợi từ phân phối lợi nhuận	2.522.238.693	6.335.639.921
Do trích lập quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	219.928.948	608.687.548
Được ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng khen thưởng	8.100.000	2.980.000
+ Giảm trong kỳ	6.754.138.817	1.505.623.500
+ Số dư quỹ cuối kỳ	<b>10.820.130.528</b>	<b>12.344.591.210</b>
<b>23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
<b>a) Ngoại tệ các loại</b>		
-Đồng đô la Mỹ (USD)	5.001.736,43	7.845.081,06
<b>b) Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>1.180.624.375</b>	<b>1.180.624.375</b>
- Khách hàng Liana	59.231.742	59.231.742
- Khách hàng Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong đó:	<b>620.600.948.687</b>	<b>593.844.082.552</b>
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	442.525.193.398	504.442.734.644
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	106.838.482.329	38.389.768.899
+ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	3.089.256.277	3.282.941.874
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ	54.727.963.827	47.681.255.075
+ Doanh thu bán hàng bột đá	-	47.382.060
+ Doanh thu bán hàng khác	13.420.052.856	-
<b>26- Doanh thu thuần về BG và cung cấp DV (MS 10)</b>	<b>620.600.948.687</b>	<b>593.844.082.552</b>
<b>27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	436.386.575.181	500.362.415.513
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển thuê tàu ngoài	102.604.629.347	36.555.082.376
- Giá vốn của hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	1.812.536.867	1.235.171.096
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	48.078.360.549	43.127.890.256
- Giá vốn bán hàng bột đá	-	47.339.590
- Giá vốn bán hàng khác	12.947.606.865	-
<b>Cộng</b>	<b>601.829.708.809</b>	<b>581.327.898.831</b>
<b>28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.929.101.824	9.830.335.958
- Lãi bán cổ phiếu VCB	583.663	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	10.156.139.199	10.488.991.536
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.487.370.687	1.029.333.924
<b>Cộng</b>	<b>15.573.195.373</b>	<b>21.348.661.418</b>
<b>29- Chi phí tài chính (Mã số 22)</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
- Chi phí lãi vay	781.803.082	2.862.441.692
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.346.371.437	5.969.755.013
- Lỗ bán chứng khoán VST	35.269.320	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(47.057.200)	6.737.200
- Chi phí tài chính khác	65.097.868	112.879
<b>Cộng</b>	<b>4.181.484.507</b>	<b>8.839.046.784</b>
<b>30- Thu nhập khác</b>	<b>2024</b>	<b>2023</b>
-Thu nhập thanh lý TSCĐ	129.177.500.000	55.003.367
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(39.327.880.702)	-
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu các khoản vay ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC	-	58.628.174.289
- Thu nhập từ khoản bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	-	-
- Thu nhập do được miễn nghĩa vụ phải trả khoản lãi phạt phải trả ngân hàng	4.532.735.541	-
- Thu nhập từ khoản được bồi thường sau va chạm	-	-
- Các khoản khác	74.311.090	99.759.463
<b>Cộng</b>	<b>94.456.665.929</b>	<b>58.782.937.119</b>



31- Chi phí khác	Năm 2023	
	2024	2023
- Tiền thuê đất tại khu đất TM8	347.538.500	2.583.972.067
- Các khoản bị phạt	8.546.779	150.733.480
- Các khoản khác	300.069.464	306.766.021
<b>Cộng</b>	<b>656.154.743</b>	<b>3.041.471.568</b>

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	
	2024	2023
a) Chi phí bán hàng	9.550.182.520	11.841.439.097
Hoa hồng phí cho các tàu	9.550.182.520	11.841.439.097
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.198.601.783	23.800.914.778
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.673.758.790	1.247.240.969
Chi phí nhân công	21.262.078.678	20.552.413.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.058.848.739	797.247.177
Thuế, phí, lệ phí	321.857.574	7.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(5.000.000)	(3.954.702.351)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.546.952.636	1.836.649.218
Chi phí khác bằng tiền	3.340.105.366	3.315.065.979
<b>Cộng</b>	<b>41.748.784.303</b>	<b>35.642.353.875</b>

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2023	
	2024	2023
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.769.376.089	208.533.050.641
- Nhiên liệu	178.505.815.717	191.409.334.900
- Nguyên liệu, vật liệu	14.263.560.372	17.123.715.741
33.2- Chi phí nhân công	108.581.916.146	100.053.410.082
- Tiền lương	92.352.000.000	83.185.420.081
- BHXH	6.907.925.920	7.155.274.560
- Bảo hiểm y tế	892.509.312	923.407.778
- Bảo hiểm thất nghiệp	394.738.624	408.872.832
- Kinh phí công đoàn	789.703.760	819.320.016
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	7.245.038.530	7.561.114.815
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.661.749.926	88.169.952.686
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.847.756.827	205.090.251.118
33.6- Chi phí khác bằng tiền	11.513.335.962	8.759.833.660
<b>Cộng</b>	<b>632.374.134.950</b>	<b>610.606.498.187</b>

<b>34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>16.393.968.295</b>	<b>7.997.131.689</b>
<b>35- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>99.476.587</b>	<b>1.095.797.013</b>

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2023	
	2024	2023
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	146.337.500.000	-
- Tiền thu từ đi vay	146.337.500.000	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	-	36.018.450.000
- Tiền trả nợ gốc vay	-	36.018.450.000

VIII- GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2024	Năm 2023
<b>1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Thu nhập của các thành viên trong Ban giám đốc, HĐQT và người quản lý	3.005.723.817	4.171.474.859
Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Chủ tịch HĐQT	80.000.000	35.000.000
Ông Trần Văn Nghi - Chủ tịch HĐQT	-	674.788.355
Ông Vương Ngọc Sơn - Phó chủ tịch HĐQT	67.000.000	78.000.000
Ông Dương Ngọc Tú - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	903.173.158	1.000.382.861
Ông Trần Dũng Chiến - Thành viên HĐQT	-	49.000.000
Ông Đào Trọng Sứ - Thành viên HĐQT	-	49.000.000
Ông Phạm Bá Chính - Thành viên HĐQT	67.000.000	29.000.000
Ông Phạm Tuấn Hải - Thành viên HĐQT	-	12.000.000
Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT	41.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Duy - Phó Tổng giám đốc	327.616.390	677.577.121
Ông Lê Văn Thái - Phó Tổng giám đốc	727.321.572	739.109.111
Ông Đoàn Minh Thân - Phó Tổng giám đốc	70.963.783	-
Bà Trần Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng	586.648.914	652.617.411
Bà Lê Thị Liên Hương - Trưởng ban kiểm soát	53.000.000	73.000.000
Bà Nguyễn Hà Thanh - Thành viên Ban kiểm soát	41.000.000	53.000.000
Bà Phan Nha Trang - Thành viên Ban kiểm soát	-	26.000.000
Ông Phan Văn Hưng - Thành viên ban kiểm soát	41.000.000	23.000.000
<b>2. Giao dịch với các bên liên quan</b>		
<b>2.1. Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	358.689.457	93.569.673
Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	186.444.720
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	693.407.790	-
Công ty CP Cảng xanh VIP	1.033.353.396	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	506.925.972	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	331.580.684	-
<b>2.2. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	90.810.500	226.258.500
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	20.940.267	-
<b>2.3. Phải trả, phải nộp khác</b>	<b>Ngày 31/12/2024</b>	<b>Ngày 01/01/2024</b>
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	-	6.600.000.000
<b>2.4. Doanh thu</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	1.248.616.503	1.334.306.046
Công ty CP Cảng Hải Phòng	124.600.000	814.702.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.633.465.950	-
Công ty CP Cảng xanh VIP	2.540.978.600	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ Cảng Xanh	1.180.883.200	-
Công ty CP đầu tư dịch vụ và phát triển xanh	20.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	875.284.336	-
<b>2.6. Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	11.111.111	-
Công ty CP thương mại và dịch vụ VOSCO	1.763.445.500	1.783.690.000
Công ty CP Vận tải biển Việt Nam - Vosco	36.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao tại Hải Phòng	28.642.016	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	3.900.480	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 14 Võ Nguyên Giáp - Phường Kênh Dương - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho Quý IV năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động:

Các hoạt động	Quý IV năm 2024	Năm 2024	Quý IV năm 2023	Năm 2023
<b>Vận tải biển</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	115.753.873.487	442.525.193.398	112.465.220.118	504.442.734.644
- Chi phí	136.202.631.255	473.954.070.831	129.980.428.144	532.294.938.444
- Lợi nhuận	(20.448.757.768)	(31.428.877.433)	(17.515.208.026)	(27.852.203.800)
<b>Vận tải biển thuê tàu ngoài</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.781.383.591	106.838.482.329	7.321.097.386	38.389.768.899
- Chi phí	15.232.193.038	102.604.629.347	6.717.897.514	36.957.493.851
- Lợi nhuận	549.190.553	4.233.852.982	603.199.872	1.432.275.048
<b>Hoạt động cho thuê BĐS đầu tư</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	780.352.764	3.089.256.277	889.526.079	3.282.941.874
- Chi phí	333.815.808	1.812.536.867	365.176.615	1.235.171.096
- Lợi nhuận	446.536.956	1.276.719.410	524.349.464	2.047.770.778
<b>Hoạt động dịch vụ</b>				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	20.236.523.478	68.148.016.683	13.603.092.352	47.728.637.135
- Chi phí	19.100.223.344	65.207.256.067	13.448.427.252	46.482.649.315
- Lợi nhuận	1.136.300.134	2.940.760.616	154.665.100	1.245.987.820
<b>Hoạt động tài chính</b>				
- Doanh thu tài chính	9.897.235.620	15.573.195.373	2.847.778.508	21.348.661.418
- Chi phí tài chính	1.199.239.527	4.181.484.507	2.072.581.007	8.839.046.784
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	8.697.996.093	11.391.710.866	775.197.501	12.509.614.634
<b>Hoạt động khác</b>				
- Thu nhập hoạt động khác	61.087.581.521	94.456.665.929	58.700.368.952	58.782.937.119
- Chi phí hoạt động khác	221.960.527	656.154.743	2.597.622.120	3.041.471.568
- Lợi nhuận hoạt động khác	60.865.620.994	93.800.511.186	56.102.746.832	55.741.465.551

Người lập

Nguyễn Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương



Tổng giám đốc

Dương Ngọc Tú